

DU LỊCH SINH THÁI CÙ LAO CHÀM - HỘI AN

Chu Mạnh Trinh*

I. Giới thiệu

Nằm cuối dòng sông Thu Bồn, thành phố Hội An được thừa hưởng sự đa dạng của các hệ sinh thái vùng cửa sông và ven bờ. Các bãi sậy, cồn cát, rừng ngập mặn, thảm cỏ biển, rạn san hô, quần cư rong biển, rừng tự nhiên Cù Lao Chàm, cũng như cảnh quan trên cạn và dưới nước đã và đang mang lại cho Hội An - Cù Lao Chàm một sự giàu có về tài nguyên sinh thái, tạo tiền đề phát triển kinh tế, xã hội địa phương nhất là hình thức du lịch sinh thái (DLST) [4].

Với tư cách là Khu Bảo tồn biển (KBTB) được thành lập vào tháng 12 năm 2005 và sau đó là Khu Dự trữ sinh quyển (KDTSQ) được UNESCO công nhận vào tháng 5 năm 2009, hoạt động DLST tại Cù Lao Chàm và Hội An đã phát triển ngày một mạnh mẽ [16]. Số du khách đến với Cù Lao Chàm năm 2004 là vài ngàn người, năm 2009 là hơn 40 ngàn, năm 2012 là 106 ngàn và năm 2013 lên đến hơn 195 ngàn [1].

DLST phát triển đã tạo cơ hội cho người dân cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống. Đến năm 2013 đã có trên 485 người dân địa phương từ 169 trong tổng số 560 hộ gia đình tham gia trực tiếp vào hoạt động DLST với hơn 12 loại hình sinh kế mới.

Thu nhập được nâng cao, chất lượng cuộc sống được cải thiện là động lực cho người dân tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên vùng đảo. Thu nhập bình quân trên đầu người khoảng 6 triệu đồng/năm vào năm 2005 [14] đến năm 2012 là 24 triệu đồng [1]. Các mô hình phân loại rác tại nguồn, nói không với túi nylon, dán nhãn sinh thái cua đá đã được người dân hưởng ứng và tạo tiếng vang trong cả nước.

Không chỉ mang lại lợi ích cho người dân địa phương, Cù Lao Chàm với sự phát triển DLST đã là điểm nhấn làm giàu cho thành phố Hội An và các cộng đồng trong vùng bờ. Tuy chỉ có 10% tổng số du khách từ Hội An đến với Cù Lao Chàm hàng năm (Hội An đón nhận 1,5 triệu du khách, trong khi đó Cù Lao Chàm tiếp đón 150 ngàn người), nhưng lợi ích mang lại cho dịch vụ du lịch trong đất liền là rất lớn. Thông thường du khách đến thăm Cù Lao Chàm đều tăng thời gian lưu trú tại Hội An lên ít nhất 2 ngày. Hiện nay đã có 32 công ty vận tải khách du lịch từ Hội An ra Cù Lao Chàm với hơn 120 tàu, thuyền và ca nô cao tốc phục vụ, đạt tổng doanh thu khoảng 100 tỷ đồng một năm [7].

Tuy nhiên thu nhập của người dân trong khu bảo tồn chỉ bằng 1/3 của người ngoài đảo [10]. Vì vậy làm thế nào để nâng cao thu nhập của người dân đảo khi tham gia hoạt động DLST là điều rất quan trọng. Một trong những cách tiếp cận mà Hội An cần thực hiện là nhìn nhận DLST tại Cù Lao Chàm như là điểm nhấn cho sự phát triển của toàn vùng hạ lưu sông Thu Bồn.

* Ban Quản lý Khu Bảo tồn biển Cù lao Chàm.



Du lịch sinh thái Cù Lao Chàm-Hội An được nhìn nhận là điểm nhấn cho sự phát triển của toàn vùng hạ lưu sông Thu Bồn

II. Phương pháp

DLST cần đảm bảo được hai yếu tố cơ bản là bảo tồn và thu nhập của người dân địa phương trên cơ sở bảo tồn. Như thế, DLST luôn gắn liền mật thiết với đời sống kinh tế của người dân địa phương. Vì vậy, nghiên cứu DLST cũng gắn tròn nghĩa với nghiên cứu sinh kế địa phương hưởng lợi từ hoạt động này. Đồng thời, sinh kế cộng đồng phải được nghiên cứu chi tiết theo 5 nguồn lực bao gồm tự nhiên, xã hội, con người, tài chính, vật chất và cơ sở hạ tầng [15]. Mỗi nguồn lực lại được phân tích theo mô hình DPSIR (dẫn lực, áp lực, hiện trạng, tác động, và đáp ứng) [11] để có thể tìm được các giải pháp thích hợp. Bên cạnh đó, các nguyên tắc SMART (cụ thể, lượng hóa, thực thi, hợp lý và thời gian), và SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức) cũng cần được áp dụng để sàng lọc và sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các chiến lược phát triển du lịch sinh thái tại địa phương [11].

III. Kết quả

1. Nguồn lực tự nhiên tại Cù Lao Chàm - Hội An đa dạng và phong phú là cơ sở quan trọng cho phát triển DLST, tuy nhiên nguồn lực này đang gặp áp lực lớn, cần phải được tăng cường bảo vệ và bảo tồn

Các hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển, rong biển, rừng tự nhiên, bãi cát... là nguồn lực tự nhiên quan trọng hỗ trợ cho sự phát triển DLST Cù Lao Chàm - Hội An. Trong những năm qua, các nguồn lực này đã được tiếp cận với

khái niệm bảo tồn biển, hay nói cách khác là tiếp cận quản lý trên cơ sở hệ sinh thái. Với trên 736 loài thuộc 263 giống của các nhóm sinh vật chủ yếu trong hệ sinh thái rạn san hô và thảm cỏ biển đã được ghi nhận cho thấy khu hệ sinh vật trong vùng nước của KBTB Cù Lao Chàm khá phong phú và đa dạng. Cỏ biển có 5 loài thuộc 3 giống, rong biển kích thước lớn có 76 loài thuộc 46 giống, san hô tạo rạn có 277 loài thuộc 40 giống, cá rạn san hô có 270 loài thuộc 105 giống, thân mềm có 97 loài thuộc 61 giống và đa gai có 11 loài thuộc 8 giống [6].

Cua đá (*Gecarcoidea lalandii*), trong năm 2013 đã được cộng đồng quản lý, bảo vệ và khai thác hợp lý với số lượng gần 7.000 con có kích thước mai cua đảm bảo với cam kết ban đầu là trên 7cm khi được dán nhãn sinh thái. Đối tượng tài nguyên này bước đầu được bảo vệ và quản lý khai thác một cách khoa học gắn liền với hệ thống giám sát đảm bảo được tính bền vững trong tương lai [12].

Tổng sản lượng tôm hùm được khai thác tại Cù Lao Chàm là khoảng 15 tấn/năm, trong đó 70% được bắt bởi người địa phương còn lại 30% bởi người ngoài. Riêng 4 loại ốc vú nàng thì chỉ còn ốc vú nàng con là khai thác được khoảng 5 tấn/năm, các loại ốc vú nàng vú và ốc vú nàng hang hiện đang trong tình trạng bị tấn công rất mãnh liệt với kích thước khai thác rất bé [8].

Sản lượng khai thác hải sản trước đây của Cù Lao Chàm khoảng hơn 1.500 tấn/năm, nhưng chỉ còn 800 tấn/năm từ khi có KBTB và DLST [10]. Hiện tại, người dân tập trung vào khai thác các sản phẩm phục vụ du lịch. Một số vùng ngư trường được bảo tồn, phần lớn là nơi có hệ sinh thái rạn san hô nhạy cảm. Tuy nhiên, một số đối tượng nguồn lợi đang bị khai thác quá mức, biểu hiện qua số lượng cá thể giảm dần, kích thước cá thể bé dần. Đây là thách thức lớn đối với nguồn lực tự nhiên phục vụ phát triển DLST lâu bền.

Nhu cầu hưởng dụng tài nguyên thiên nhiên như tiêu thụ nguồn lợi sinh vật biển, sản phẩm rừng ngày càng gia tăng và mãnh liệt theo số lượng du khách đến thăm đảo. Điều này được phản ánh qua giá bán sản phẩm tại địa phương. Đồng thời thông qua kết quả tuần tra kiểm soát, cũng như độ phủ rạn san hô, mật độ cá rạn, việc khai thác một số đối tượng tài nguyên như bào ngư,



Cua đá được đo kích thước mai cua đúng quy định trước khi dán nhãn sinh thái.



Cây phục hồi lại san hô

diệp quạt, ốc vú nàng, ốc nón, sao biển, trai tai tượng, cá cảnh hiện đang phức tạp tại Cù Lao Chàm [1]. Cùng với hiện trạng khai thác khó kiểm soát của người ngoài địa phương, thế mạnh về nguồn lợi thủy sản và đa dạng sinh học tại Cù Lao Chàm có khả năng bị suy giảm, nếu không có giải pháp ngăn chặn, sẽ dẫn đến tình trạng nghèo kiệt nguồn lực tự nhiên trong tương lai không xa.

Các nguyên nhân gián tiếp liên quan đến suy giảm nguồn lợi là sự phối hợp trong quản lý nguồn lực tài nguyên thiên nhiên chưa đủ mạnh và thuyết phục cộng đồng tham gia bảo vệ. Các lực lượng chức năng như công an xã, biên phòng, kiểm ngư, dân quân xã và bảo tồn biển cần có sự phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ nhau trong công tác tuần tra, kiểm soát, quản lý và bảo vệ.

Các dấu hiệu về chất lượng nước của vùng cửa sông Thu Bồn - Hội An đã ảnh hưởng trực tiếp đến Cù Lao Chàm, đặc biệt trong mùa mưa, bão. Hiện tượng nước ngọt, phù sa, rác thải đã có ảnh hưởng tăng dần tại các vùng rạn san hô. Hiện trạng mở đường quanh đảo, xây dựng bờ kè, sửa chữa lại âu thuyền, và các công trình hạ tầng phần nào cũng làm ảnh hưởng đến cảnh quan của Cù Lao Chàm. Nhằm khắc phục tình trạng trên, KBTB Cù Lao Chàm đã đề nghị mở rộng tiếp cận bảo tồn biển vào vùng bờ, hạ lưu sông Thu Bồn, gắn bảo tồn biển với phục hồi rừng ngập mặn, các bãi sậy, đụn cát trong vùng cửa sông. Đồng thời trong năm 2013, Cù Lao Chàm cũng đã ứng dụng công nghệ phục hồi san hô và đã nuôi cấy tại vùng phục hồi 4.800 tập đoàn, tại vườn ươm 750 tập đoàn san hô. Tỷ lệ sống của san hô nuôi cấy tại vườn ươm khoảng 87% và tại vùng phục hồi là 74%. Số tập đoàn san hô tách từ vườn ươm sang phục hồi là hơn 400 tập đoàn [2]. Đồng thời một số tập đoàn san hô bàn, cành mới cũng đã được ghi nhận tại các ghềnh đá Cù Lao Chàm. Đây là dấu hiệu phục hồi tự nhiên của các loài san hô tạo rạn tại các vùng nước được giữ gìn sạch sẽ.

2. Nguồn lực con người với xuất phát điểm thấp về mặt học vấn, nhưng đang được liên tục nâng cao năng lực thông qua đào tạo ngành nghề, tạo cơ hội tham gia hoạt động DLST tại Cù Lao Chàm

Nguồn lực con người, trước hết được phản ánh qua trình độ học vấn và sức khỏe. Theo khảo sát năm 2005 [14], khoảng một phần ba tổng số các chủ hộ gia đình ở Cù Lao Chàm có trình độ văn hóa cấp 2 và khoảng 40% không được tiếp nhận một sự học vấn nào. Và cũng tương tự, hơn 30% là vợ hoặc chồng của các chủ hộ gia đình này là mù chữ và khoảng chừng 25% có trình độ văn hóa cấp 2. Tuy nhiên ngoài học vấn, các trình độ nghề nghiệp khác như kinh nghiệm và kiến thức về đánh bắt hải sản là rất quan trọng đối với sinh kế tại Cù Lao Chàm. Nắm bắt được những thuận lợi và hạn chế của nguồn lực này, ngay từ những ngày đầu, KBTB Cù Lao Chàm đã tập trung vào công tác nâng cao nhận thức và đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng. Trong thời gian từ 2003 đến 2006, một chương trình nâng cao năng lực quản lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường đã được tổ chức rộng rãi cho người làm công tác quản lý và cộng đồng của tỉnh, huyện, xã. 19 thành viên cấp thành phố và tỉnh tham gia 5 chuyến tham quan khảo sát các mô hình và học tập trao đổi kinh nghiệm tại các khu bảo tồn biển, vườn quốc gia, hội nghị bảo tồn quốc tế ở các nước Thái Lan, Malaysia, Singapore, Anh, Trung Quốc và Úc. 116 thành

viên, trong đó bao gồm 40 cán bộ và 76 người dân địa phương tham quan học tập các mô hình bảo tồn trong nước. Các điểm đến tham quan học tập trong nước là các khu bảo tồn Núi Chúa, Phong Nha-Kẻ Bàng, Phú Quốc, Côn Đảo, vịnh Hạ Long, Cần Giờ, Hòn Mun, Rạng Trào... 800 người, trong đó gần 75% thành viên từ cộng đồng địa phương tham gia đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ thuật và ngành nghề hỗ trợ cho phát triển sinh kế với tổng số 29 khóa tập huấn tại Hải Phòng, Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang và TP Hồ Chí Minh. Trong thời gian 3 năm từ 2003 đến 2006, đã có gần 2/3 tổng số dân cư trên đảo tham gia các hoạt động đào tạo và nâng cao nhận thức, cụ thể là có hơn 1.868 người lớn, trong đó có khoảng 50% là phụ nữ, và 606 trẻ em tham gia. Tại thành phố Hội An đã có gần 334 lượt người tham dự các hoạt động nâng cao nhận thức về bảo tồn [11].

Từ năm 2006 đến 2013, nguồn lực con người của cộng đồng Cù Lao Chàm được tiếp tục cải thiện và nâng cao thông qua các chương trình đào tạo và hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn sinh kế tại địa phương. Nếu như trong giai đoạn từ 2003 đến 2006, nguồn lực con người chủ yếu được tập trung vào sự hiểu biết về bảo tồn, lợi ích kinh tế, cũng như kiến thức về quản lý bảo tồn, thì trong giai đoạn 2006 đến 2013, phần lớn đầu tư cụ thể vào học tập, chuyển giao các sinh kế mới và xây dựng các mô hình trình diễn nhằm gắn kết người dân tham gia vào các hoạt động DLST thông qua bảo tồn.

Các sinh kế mới gắn liền với du lịch tại Cù Lao Chàm được trình bày trong bảng 1 [7].

Bảng 1. Danh sách các nhóm nghề du lịch và người tham gia tại Cù Lao Chàm.

TT	Nhóm nghề du lịch	Số hộ	Số người	Tổng
1	Nhà hàng tại các bãi biển	16	5	80
2	Xe máy vận chuyển khách	32	1	32
3	Hộ đón khách lưu trú tại nhà	40	2	80
4	Hộ vận chuyển bằng thuyền	18	2	36
5	Hàng lưu niệm	7	3	21
6	Hàng thủy sản khô	16	3	48
7	Bánh ít	4	2	8
8	Nước giải khát	8	3	24
9	Bán thủy sản tươi sống	12	2	24
10	Quần áo lưu niệm	6	2	12
11	Mặt hàng khác	10	2	20
12	Số lao động gián tiếp (tùy mùa vụ)		100	100
Tổng cộng:		169		485

3. Nguồn lực tài chính của người dân ngày càng được cải thiện thông qua sự thuận lợi tiếp cận nguồn vốn, đa dạng nghề nghiệp và thu nhập được nâng cao từ hoạt động DLST

Vào những năm xây dựng KBTB Cù Lao Chàm, khoảng chừng 67% tổng số hộ gia đình đã vay vốn từ các chương trình tín chấp tại địa phương, hội đoàn

thể, hoặc người thân và bạn bè [14]. Các hộ gia đình này đã từng mong muốn có được sự tiếp cận tốt hơn đến nhiều nguồn tài chính và được vay nhiều tiền hơn. Khoảng chừng 50% tổng các hộ gia đình vay vốn đầu tư vào ngư cụ, ghe thuyền đánh bắt, và 40% vay vốn đầu tư vào các hoạt động sản xuất khác không phải thủy sản, như chăn nuôi hoặc mở hàng quán buôn bán. Trong thời gian từ năm 2006 đến 2013, nguồn lực tài chính đối với cộng đồng Cù Lao Chàm đã được cải thiện với nhiều cách tiếp cận nguồn vốn từ Ngân hàng Chính sách, hỗ trợ sinh kế LMPA (Sinh kế cộng đồng trong và xung quanh các KBTB) và GEF (Quỹ Môi trường toàn cầu) với lãi suất ưu đãi, trong đó có 76 hộ gia đình được vay 1.172.000.000đ từ nguồn LMPA, và 450.000.000đ cho 45 hộ gia đình làm nghề khai thác cua đá [1].

Năm 2012, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đặt trạm giao dịch tại đảo, tạo điều kiện thuận lợi cho bà con ngư dân vay và gửi tiền. Phần lớn nguồn lực tài chính của người dân tập trung vào đầu tư các trang thiết bị khai thác nguồn lợi biển như ghe, tàu, lưới đánh cá. Gần đây hoạt động du lịch nở rộ tại khu vực đảo, bà con còn tập trung đầu tư mở rộng hình thức lưu trú tại nhà, nhà hàng, tàu chuyên chở khách du lịch. Nguồn lực tài chính còn được biểu hiện thông qua thu nhập và sự đa dạng các nguồn thu nhập của cộng đồng, nhất là từ khi người dân đảo tham gia vào các hoạt động DLST.

Theo số liệu thống kê trong thời gian 10 năm qua, dân số tại Cù Lao Chàm không thay đổi lớn, tổng số dân trên dưới 2.500 người, tuy nhiên thành phần nghề nghiệp đã thay đổi nhiều, nhất là các sinh kế mới ra đời cùng với sự phát triển của du lịch. Theo khảo sát vào năm 2005 [11], số người già, trẻ em, công nhân viên nhà nước là 13,5%, nghề biển 35,75%, sinh viên 1%, nội trợ 13,75%, lao động phổ thông (4%), lao động nông nghiệp (7,25%), lao động làm thuê nghề biển (4,75%) và nội trợ (13,75%). Ước tính khoảng 743 người trong độ tuổi lao động là chịu nhiều rủi ro và ít có cơ hội tạo thu nhập tại Cù Lao Chàm. Đến năm 2012, 485 người trong số lao động này đã có cơ hội tìm được việc làm tại địa phương từ 12 sinh kế mới theo các hoạt động dịch vụ du lịch sinh thái mang lại, với mức thu nhập khoảng 62.870.000/ngày [5]. Với tốc độ phát triển du lịch như hiện nay, thì trung bình một năm người dân tiếp đón du khách 10 tháng, mỗi tháng 30 ngày và như vậy, cộng đồng Cù Lao Chàm có thể thu nhập thêm 18.861.000.000đ/năm. Cùng với số thu từ nguồn phí tham quan lặn biển, thì Cù Lao Chàm đã vượt mức dự báo theo kế hoạch 2010-2015 trước 2 năm [10].

4. Nguồn lực xã hội mạnh mẽ đã gắn kết người dân Cù Lao Chàm vào các mô hình ứng xử tốt dân với thiên nhiên, tạo điều kiện cho DLST phát triển

Nguồn lực xã hội tại Cù Lao Chàm trước hết là biểu hiện các mối quan hệ xã hội liên quan trong phát triển DLST. Các nguồn lực xã hội là các mạng lưới xã hội, các liên lạc và trợ giúp có khả năng cung cấp cho hộ gia đình. Cù Lao Chàm là một cộng đồng rất mật thiết, đoàn kết gắn bó nhau, ít trường hợp trộm cắp xảy ra, và hầu như không có các tệ nạn xã hội ở đây. Có một vài

nhóm nhỏ đặc trưng khác nhau về kinh tế xã hội trong cộng đồng, nhưng riêng biệt và không có mâu thuẫn hình thành giữa các nhóm này. Khoảng chừng 75% tổng số hộ gia đình ở Cù Lao Chàm là thành viên của Hội Nông dân, và khoảng 80% là thành viên của Hội Phụ nữ. Các tổ chức quần chúng xã hội thường làm cầu nối tích cực cho các hỗ trợ từ bên ngoài đến cộng đồng. Thông qua Hội Nông dân xã Tân Hiệp, dự án bảo vệ cua đá được tiến hành, thông qua Đoàn Thanh niên, dự án đào tạo thuyết minh viên cho thanh niên được triển khai, thông qua Hội Liên hiệp Phụ nữ các chương trình vốn vay và đón khách lưu trú tại nhà được thực hiện hiệu quả. Nguồn lực xã hội tại Cù Lao Chàm còn thể hiện qua việc hình thành và triển khai hoạt động của các tổ chức cộng đồng như Tổ cua đá Cù Lao Chàm, Tiểu khu bảo tồn biển Bãi Hương, Tổ xe ôm, Tổ đồng quản lý tôm hùm, ốc vú nàng, Tổ quản lý rác thải.

Đối với DLST thì nguồn lực xã hội là rất quan trọng, và các mô hình có sự tham gia của cộng đồng là điểm nổi bật cho nguồn lực. Mô hình nói không với túi nylon và phân loại rác tại nguồn đã gần như tạo thương hiệu cho Cù Lao Chàm. Ngày 12/11/2010, cộng đồng Cù Lao Chàm đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng bằng khen là đơn vị điển hình trong công tác bảo vệ môi trường. Ngày 12/10/2011, thông qua chương trình Việt Nam Xanh, Cù Lao Chàm, một lần nữa được biết đến bởi hoạt động người dân không sử dụng túi nylon để bảo vệ môi trường. Đây là niềm tự hào của cộng đồng Cù Lao Chàm. 100% người dân đều cảm thấy tự hào về địa phương mình vì đã thực hiện được việc không sử dụng túi nylon [3].

Mô hình bảo tồn cua đá Cù Lao Chàm lấy Tổ cua đá làm trọng tâm. Tổ này là tập hợp những người khai thác cua đá thường xuyên hoặc không thường xuyên, hoặc là yêu thích cua đá, tự nguyện tham gia, cam kết thực hiện các quy định của cộng đồng, cùng với Hội Nông dân, chuyên gia và các bên liên quan bảo vệ và khai thác hợp lý cua đá Cù Lao Chàm.

Yếu tố quan trọng nhất trong nguồn lực xã hội là sự tham gia của các thành viên trong cộng đồng. Tuy nhiên sự tham gia này lại liên quan đến sự chia sẻ lợi ích giữa các nhóm cộng đồng với nhau. Một cộng đồng có nguồn lực xã hội mạnh là trong đó người dân địa phương thực hiện các mô hình với sự tham gia rộng rãi của mọi thành phần liên quan, và họ đều thỏa mãn với lợi ích của từng nhóm, nhưng cùng hướng đến lợi ích chung của cộng đồng. Sáu đối tượng tài nguyên mục tiêu trong giai đoạn từ năm 2009 đến 2013 là lợi ích chung mà mọi người ở Cù Lao Chàm phải hướng tới.

Diễn biến nguồn lực xã hội trong DLST tại Cù Lao Chàm được thể hiện qua sự thành lập, ban hành và duy trì các thể chế cộng đồng theo thời gian từ tháng 10/2003 đến tháng 10/2013. Các thể chế này là kết quả của sự đồng thuận giữa các thành phần cộng đồng với nhau trong hoạt động DLST và bảo tồn. Đồng thời nhà nước có trách nhiệm thành lập và phê chuẩn các cam kết của cộng đồng làm cơ sở pháp lý tại địa phương hỗ trợ cho công tác bảo tồn và phát triển DLST. Diễn biến các thể chế cộng đồng theo thời gian từ 10/2003 đến 10/2013 được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Diễn biến các thể chế cộng đồng được thành lập, ban hành và duy trì.

TT	Thể chế cộng đồng góp phần vào việc bảo tồn và phát triển DLST	Diễn biến theo thời gian/những năm 2000											
		03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	
1	Quyết định thành lập ban quản lý dự án xây dựng khu bảo tồn biển	x	x	x	x								
2	Câu lạc bộ bảo tồn biển được thành lập		x	x	x								
3	Quyết định quy hoạch phân vùng và quy chế quản lý khu bảo tồn			x	x	x	x	x	x				
4	Quyết định thành lập Ban quản lý khu bảo tồn, đội tuần tra				x	x	x	x	x				
5	Ban bảo tồn thôn được thành lập				x	x	x	x	x				
6	Ban quản lý du lịch được thành lập					x	x	x	x				
7	Tổ kiểm tra môi trường và túi nylon được thành lập							x	x				
8	Kế hoạch quản lý bảo tồn biển được phê chuẩn và thực hiện						x	x	x				
9	Chỉ thị 04 cấm khai thác cua đá							x	x	x	x		
10	Tổ bảo vệ và khai thác bền vững cua đá Cù Lao Chàm được thành lập										x	x	
11	Quy ước quản lý cua đá Cù Lao Chàm											x	
12	Quy chế quản lý Tiểu khu bảo tồn biển Bãi Hương											x	

Như vậy theo bảng 2 có thể nhận thấy trong thời gian từ tháng 10/2003 đến tháng 10/2006, hoạt động bảo tồn và phát triển DLST tại Cù Lao Chàm đã bắt đầu tiếp cận với khái niệm quản lý tổng hợp và quản lý thích ứng trên cơ sở tiếp cận hệ sinh thái. Cộng đồng đã được giới thiệu về bảo tồn biển, phân vùng bảo vệ, kiểm soát khai thác thông qua mùa vụ, và ngư trường.

Năm 2006 là năm bản lề chuyển biến mạnh mẽ trong bảo tồn biển tại Cù Lao Chàm. Quy hoạch phân vùng chức năng để bảo vệ, khai thác hợp lý và phát triển DLST được UBND tỉnh phê chuẩn, các tổ chức cộng đồng được thành lập để thực thi. Đặc biệt đội tuần tra bảo tồn biển được thành lập làm cầu nối phối hợp với các bên liên quan là bộ đội biên phòng, công an địa phương, thanh tra thủy sản và cộng đồng để giám sát, kiểm tra các hoạt động bảo tồn và DLST tại các rạn san hô, thảm cỏ biển. Năm 2008 là năm cộng đồng Cù Lao Chàm được tiếp cận bảo tồn và DLST trên các đối tượng tài nguyên mục tiêu cụ thể bao gồm rạn san hô, thảm cỏ biển, tôm hùm, cua đá, ốc vú nàng và bãi biển.

Năm 2009 và 2010 là thời gian cộng đồng được hướng dẫn tăng cường công tác quản lý các hoạt động du lịch tại địa phương. Đồng thời chất lượng môi trường cũng được cộng đồng ưu tiên quan tâm. Sự phát triển của du lịch là cơ hội nhưng đồng thời cũng mang lại nhiều thách thức đối với công tác bảo tồn tại Cù Lao Chàm. Chỉ thị 04 về việc cấm khai thác cua đá được thành phố Hội An ban hành hỗ trợ cho việc thực thi cam kết cộng đồng đối với phát triển DLST tại địa phương. Các thể chế cộng đồng gắn liền với bảo tồn và DLST theo tiến trình đồng quản lý đã phát triển mạnh mẽ theo thời gian cả về số lượng và chất lượng, nhằm đảm bảo lợi ích và trách nhiệm của các bên liên quan được

chia sẻ một cách công bằng. Đặc biệt từ năm 2011 đến nay, các nỗ lực của cộng đồng đã trở thành hiện thực với sự ra đời của Tổ cưa đá, Tiểu khu bảo tồn biển Bãi Hương, một lần nữa đã chứng tỏ sự lớn mạnh và khả năng chia sẻ trách nhiệm và lợi ích của từng nhóm cộng đồng với hoạt động bảo tồn hỗ trợ cho phát triển DLST tại Cù Lao Chàm.

5. Nguồn lực vật chất và cơ sở hạ tầng được tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái tại Cù Lao Chàm

Nguồn lực vật chất và cơ sở hạ tầng được mô tả bao gồm các cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc bảo tồn và phát triển DLST tại Cù Lao Chàm như điện, nước, thu gom rác thải, giao thông, trường học, bệnh viện, chợ. Nguồn lực này trong những năm gần đây đã được đầu tư và dần dần được cải thiện phục vụ không những cho nhu cầu của người dân tại địa phương mà còn cho khách du lịch. Bên cạnh đó, một hạ tầng quan trọng là hệ thống phân vùng chức năng KBTB làm cơ sở cho phát triển DLST Cù Lao Chàm trong những năm qua [10]. Đây là cơ sở giúp cho DLST phát triển tại các vùng lặn ngắm san hô dưới nước và tạo điều kiện thuận lợi cho sản phẩm du lịch này được bảo vệ không bị các hoạt động khai thác khác xâm hại.

Ngư dân bị ảnh hưởng trực tiếp từ việc phân vùng bảo tồn đã và đang được hỗ trợ tham gia vào các hoạt động DLST. Đồng thời sự ra đời của Tiểu khu bảo tồn biển Bãi Hương vào năm 2012, một lần nữa cụ thể hóa trách nhiệm của cộng đồng đối với bảo tồn và DLST. Đầu năm 2013, Hội An đã có sự điều chỉnh sử dụng một số vùng rạn san hô thích hợp với nhu cầu của du lịch tại Cù Lao Chàm.

Năm 2009, Cù Lao Chàm và vùng cửa sông Thu Bồn - Hội An được công nhận là KDTSQ trên cơ sở 7 tiêu chí, trong đó có yếu tố phân vùng. Sự phân vùng của KDTSQ được xây dựng trên cơ sở khu bảo tồn (vùng lõi), vùng sử dụng tài nguyên một cách có kiểm soát (vùng đệm) và vùng giao thoa giữa bảo tồn và phát triển (vùng chuyển tiếp). Như vậy khái niệm phân vùng trong KBTB và sau đó là KDTSQ đã tạo cơ sở cho phát triển DLST tại Cù Lao Chàm và Hội An. Phân vùng chức năng được thực hiện, quy chế quản lý bảo tồn biển được xây dựng, đồng thời bộ máy tổ chức điều phối hoạt động quản lý và bảo vệ các hệ sinh thái này được hình thành luôn là cơ sở quan trọng cho sự hình thành và phát triển DLST.

Trong mỗi vùng chức năng đều có quy định riêng từ vùng lõi, vùng đệm, đến vùng chuyển tiếp, việc phân vùng đã tạo điều kiện kiểm soát được các hành vi vi phạm. Trong thời gian từ năm 2009-2013, bộ đội biên phòng, công an xã, lực lượng kiểm ngư và cộng đồng, lực lượng tuần tra bảo tồn biển đã thực hiện tổng cộng 660 lượt kiểm tra, phát hiện và xử lý 162 trường hợp vi phạm, trong đó có 12 ngư dân sinh sống tại Cù Lao Chàm và 150 ngư dân từ các địa phương khác đến. Các loại nghề vi phạm chủ yếu là giã cào với 74 trường hợp; lặn 43 trường hợp; lưới chim, lưới ba lớp và lưới tím. 101 trường hợp vi phạm đã bị phạt tiền với tổng số 72.400.000đ, 52 trường hợp bị xử lý với hình thức cảnh cáo, nhắc nhở, 5 trường hợp bị tịch thu ngư cụ [1].

IV. Kết luận

Du lịch sinh thái Cù Lao Chàm - Hội An được nghiên cứu ở góc độ sinh kế của người dân tham gia làm du lịch và bảo tồn tại địa phương đã thể hiện nhiều ưu điểm trong việc phân tích hiện trạng phát triển của hoạt động này. Nghiên cứu đã mô tả được các nguồn lực sinh kế cộng đồng gắn liền với phát triển DLST. Trong thời gian từ 2003-2013, DLST tại Cù Lao Chàm đã góp phần rất lớn vào sự phát triển kinh tế-xã hội cũng như sự nghiệp bảo tồn của địa phương. Đồng thời, hiện trạng phát triển của DLST Cù Lao Chàm - Hội An và bảo tồn đã thể hiện những mối quan hệ khăng khít nhau, diễn biến về chất lượng của bảo tồn tất yếu sẽ ảnh hưởng đến du lịch và ngược lại. Hiện trạng phát triển DLST Cù Lao Chàm - Hội An được phản ánh rõ nét qua các kết quả của nghiên cứu.

DLST tại Cù Lao Chàm có rất nhiều điều kiện để phát triển. Trước tiên phải nói đến sự hài hòa và thuận lợi của 5 nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, xã hội, con người, tài chính, vật chất và cơ sở hạ tầng. Mặc dầu điểm khởi đầu của 5 nguồn lực là không đồng đều, nếu như nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, xã hội là vượt trội, thì nguồn lực con người, tài chính, vật chất và cơ sở hạ tầng có phần khiêm tốn hơn so với những địa phương khác. Tuy nhiên, Cù Lao Chàm vẫn có những độc đáo riêng của địa phương này. Sự ra đời của KBTB và sau đó là KDTSQ đã hỗ trợ cho cộng đồng Cù Lao Chàm cơ sở thuận lợi phát triển du lịch. Và thực tế trong 10 năm qua từ khi KBTB bắt đầu xây dựng đến nay Cù Lao Chàm đã đạt được những bước phát triển mạnh mẽ cùng với hình thức du lịch sinh thái.

Tuy nhiên, qua phân tích chúng ta cũng nhận thấy sự phát triển mạnh mẽ và “ào ạt” DLST đã gây nên một áp lực rất lớn đối với nguồn lực tự nhiên tại Cù Lao Chàm. Một lần nữa Cù Lao Chàm cần phát huy lợi thế của hai nguồn lực xã hội và cơ sở hạ tầng, cùng con người để tăng cường sự bảo vệ và phục hồi nguồn lực tài nguyên thiên nhiên cho sự phát triển bền vững của DLST.

Chiến lược phát triển DLST Cù Lao Chàm - Hội An cần phải được đặt nền tảng trên sự phát triển của KBTB và KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An. Trong chiến lược phát triển DLST ấy cần phải bao gồm các nội dung về truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực cộng đồng, nghiên cứu khoa học và trình bày kết quả, phối hợp các bên liên quan trong quản lý tài nguyên, môi trường, sức chứa du lịch, giáo dục và đào tạo về bảo tồn và sử dụng bền vững, giám sát, đánh giá, báo cáo và phát triển nguồn nhân lực cho hôm nay và tương lai [13].

C M T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BQL Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm (2013), *Báo cáo đánh giá kế hoạch quản lý Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm giai đoạn 2009-2013*, UBND thành phố Hội An.
2. BQL Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm (2013), *Xây dựng cơ chế quản lý và sử dụng vùng phục hồi rạn san hô tại KBTB Cù Lao Chàm. Một số vấn đề liên quan đến khai thác và sử dụng*, UBND thành phố Hội An.
3. Nguyễn Thị Thùy Dương (2012), *Xây dựng mô hình “Nói không với túi ni lông”*, trường hợp nghiên cứu quần đảo Cù Lao Chàm, thành phố Hội An, Luận án tốt nghiệp đại học, Bộ môn Kỹ thuật và Quản lý Môi trường, Khoa Công nghệ Môi trường, Trường Đại học Duy Tân.
4. Nguyễn Hữu Đại (2006), *Đánh giá hiện trạng tài nguyên đất ngập nước hạ lưu sông Thu Bồn và giải pháp quản lý, bảo vệ, phục hồi*, BQL Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm, Quảng Nam, Việt Nam.

5. Trần Thị Hồng Hoa (2013), *Tìm hiểu vai trò của cộng đồng trong hoạt động du lịch sinh thái tại Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm - tỉnh Quảng Nam*, Khóa luận tốt nghiệp, Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Văn Long (2008), *Đánh giá đa dạng sinh học và chất lượng môi trường Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm 2004-2008*, Viện Hải Dương học, Viện Khoa học Việt Nam.
7. Nguyễn Đức Minh (2013), *Khu Dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An; Những vấn đề cần quan tâm*, Hội thảo Khu Dự trữ sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, ngày 24/10/2013, Hội An, Quảng Nam, Việt Nam.
8. Lê Ngọc Thảo, Huỳnh Ngọc Diên (2013), *Điều tra thành phần loài, vùng phân bố, hiện trạng khai thác và xây dựng mô hình đồng quản lý tôm hùm, ốc vú nàng tại Cù Lao Chàm*, BQL Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm.
9. Nguyễn Hoàng Trí (2013), *Khu Dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An; Thay đổi để thành công*, Hội thảo Khu Dự trữ sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, ngày 24/10/2013, Hội An, Quảng Nam, Việt Nam.
10. Chu Mạnh Trinh (2010), *Lợi ích cộng đồng trong hoạt động du lịch tại Khu Dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An*, BQL Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm, Quảng Nam.
11. Chu Mạnh Trinh (2011), "Đồng quản lý tài nguyên và môi trường tại Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm", tạp chí *Khoa học và Công nghệ biển*, T11 (2011), 2, tr. 79-95.
12. Chu Mạnh Trinh, Lê Ngọc Thảo (2013), *Cộng đồng bảo vệ và khai thác hợp lý cua đá Cù Lao Chàm (Gecarcoidea lalandii) góp phần khẳng định thương hiệu biển Việt Nam*, BQL Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm.
13. Chu Mạnh Trinh (2013), *Khu Dự trữ sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An; Định hướng phát triển bền vững*, Hội thảo Khu Dự trữ sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, ngày 24/10/2013, Hội An, Quảng Nam, Việt Nam.
14. Angus McEwin (2007), *Livelihoods Analysis of Cu Lao Cham*, Quang Nam MPA Project.
15. Angus McEwin, Nguyen To Uyen, Tham Ngoc Diep, Ha Minh Tri and Keith Symington (2008), *Sustainable Livelihood Strategy: Vietnam Marine Protected Areas*, published by "Sustainable Livelihoods in and around Marine Protected Areas" (LMPA), Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD) - a component of Danish Development Cooperation in the Environment (DCE) Programme (2005-2010), Hanoi, Vietnam.
16. UNESCO - MAB (2009), *Cu Lao Cham - Hoi An, Viet Nam has been designated for inclusion in the World Network of Biosphere Reserves*, 26/5/2009.

TÓM TẮT

Bài báo giới thiệu tổng thể việc phát triển du lịch sinh thái tại Cù Lao Chàm - Hội An, sự hỗ trợ của bảo tồn cho du lịch và ngược lại du lịch tăng cường sự phát triển bảo tồn. Bài báo đề cập đến hình thức tiếp cận mới của du lịch tại vùng hạ lưu sông Thu Bồn. Với 2 dòng trao đổi giữa vật chất và tri thức - văn hóa, con người đã bắt đầu ứng xử tốt dần với thiên nhiên, mô hình du lịch sinh thái Cù Lao Chàm - Hội An hy vọng sẽ có những bước chuyển biến mới. Bài báo cũng phân tích các khó khăn và thách thức mới với du lịch tại Cù Lao Chàm hiện nay như nhu cầu tiêu thụ, khai thác nguồn lợi tự nhiên, vấn đề rác thải, ô nhiễm từ trong đất liền, thiên tai, và định hướng phát triển du lịch sinh thái vùng này.

ABSTRACT

CHÀM ISLANDS - HỘI AN ECO-TOURISM

The article generally presents the Chàm Islands - Hội An ecotourism approach, highlighting how conservation facilitates increased tourism and how tourism revenue, in turn, is used to support environmental protection. The paper will come up with a new approach to tourism in the Thu Bồn River downstream region. This approach emphasizes material economic benefits, as well as honoring and protecting local culture and wisdom. Following the Chàm Islands - Hội An ecotourism model, local people have gradually adopted more environmentally-friendly practices. The article also analyzes the challenges and development strategies of managing tourism on the Chàm Islands, including increasing demand and over-exploitation of natural resources, increasing garbage, inland pollution, and natural disasters.